

**TÒA ÁN NH DÂN
THỊ XÃ GÒ CÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27/5/2022

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”

**NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NH DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Nhi

Các Hội thẩm Nh dân:

1) Ông Phạm Danh Hiếu

2) Bà Võ Thị Bích Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án Nh dân thị xã Gò Công;

- Đại diện Viện kiểm sát Nh dân thị xã Gò Công, không tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022, Tòa án Nh dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn Nh và gia đình thụ lý số: 24/2022/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 02 năm 2022, về việc: “Xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 20 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 11 tháng 5 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Hồ Thị Cẩm D, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn BG, xã ThH, huyện HT, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn:* Anh Phan Trọng Nh, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp GTr, xã LTh, TXGC, tỉnh Tiền Giang.

(Chị D xin vắng mặt, anh Nh vắng mặt)

NỘI D VU ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Hồ Thị Cẩm D trình bày:*

Chị D và anh Nh tiến đến hôn Nh trên cơ sở tự tìm hiểu và tự nguyện. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TB, huyện CL, tỉnh Tiền Giang vào ngày 24 tháng 3 năm 2009. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên Nh là do anh Nh có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng hay cãi nhau. Chị D cố chịu đựng để giữ cho các con có một gia đình được trọn vẹn nhưng anh Nh thì thường kiếm chuyện chửi, đánh chị. Mâu thuẫn kéo dài đến tháng 10/2019 thì trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân đến nay. Thời sống ly thân, không hàn gắn được tình cảm. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị D xin ly hôn với anh Nh.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con tên Phan Nhật Duy, sinh ngày 20/6/2009 và Phan Nhật Khả Nhi, sinh ngày 06/5/2011. Sau khi vợ chồng sống ly thân, chị D trực tiếp nuôi 02 con. Ly hôn, chị D yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh Nh dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

* Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Phan Trọng Nh hợp lệ, nhưng anh Nh không đến Tòa án trình bày ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn và nuôi con của chị D.

* Viện kiểm sát Nh dân thị xã Gò Công, không tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định: Chị Hồ Thị Cẩm D xin ly hôn với anh Phan Trọng Nh là quan hệ tranh chấp theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nh dân thị xã Gò Công.

Chị Hồ Thị Cẩm D có đơn xin vắng mặt. Anh Phan Trọng Nh vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ 2, không có lý do. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, xét xử vụ án vắng mặt chị D và anh Nh.

Xét về quan hệ hôn Nh: Chị D cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng chị đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 10/2019 đến nay. Xét thấy, thời chị D và anh Nh sống ly thân, không hàn gắn được tình cảm. Mặt khác, anh Nh không đến Tòa án trình bày ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị D là cố ý bỏ mặc cuộc hôn Nh của anh chị cho chị D tự quyết định. Do đó, cho thấy tình trạng hôn Nh của chị D và anh Nh đã trầm trọng, mục đích hôn Nh không đạt được, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D.

Xét về con chung: Vợ chồng có 02 con tên Phan Nhật Duy, sinh ngày 20/6/2009 và Phan Nhật Khả Nhi, sinh ngày 06/5/2011. Hiện nay, 02 con của anh chị đang sống với chị D. Theo nguyện vọng của Phan Nhật Duy và Phan Nhật Khả Nhi, muốn tiếp tục sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Theo “*Đơn xin xác nhận*” của chị D, ghi ngày 02/3/2022, tại Ủy ban Nh dân thị xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân,

tỉnh Bình Thuận; thời gian chị D và anh Nh sống ly thân, chị D làm nghề buôn bán thức ăn, nước giải khát, có thu nhập đảm bảo điều kiện nuôi con. Mặt khác, anh Nh không đến Tòa án trình bày ý kiến đối với yêu cầu về nuôi con chung của chị D. Do đó, để đảm bảo cho các con anh chị có cuộc sống ổn định, nên giao cho chị D tiếp tục nuôi 02 con Phan Nhật Duy và Phan Nhật Khả Nhi. Chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị D phải nộp án phí hôn Nh gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật. Anh Nh không phải nộp án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Điều luật áp dụng:

- Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn Nh và Gia đình năm 2014;

- Điều 5; khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Về quan hệ hôn Nh:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hồ Thị Cẩm D.
- Chị Hồ Thị Cẩm D được ly hôn với anh Phan Trọng Nh.

2/ Về con chung:

- Giao 02 con tên Phan Nhật D, sinh ngày 20/6/2009 và Phan Nhật Khả Nh, sinh ngày 06/5/2011 cho chị Hồ Thị Cẩm D tiếp tục nuôi dưỡng.

- Chị Hồ Thị Cẩm D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4/ Về án phí: Chị Hồ Thị Cẩm D phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, án phí hôn Nh gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai số 0006648, ngày 28 tháng 02 năm

2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Gò Công. Như vậy, chị D đã nộp xong án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án tổng đặt bản án hợp lệ, các đương sự có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKS ND TXGC;
- Chi cục THA DS GCD;
- UBND xã TB;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

NGUYỄN THỊ HOÀNG NHI